

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG AN 369
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG AN 369

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG AN 369 JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRANG AN 369 .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109859865

3. Ngày thành lập: 16/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4 Đường 19/5, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982721232

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
2.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
3.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
4.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
5.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
8.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
9.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
10.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

11.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy ăn, giấy lau chùi, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
12.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

13.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các loại bột thuốc nổ; - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác; - Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất protein khác và dẫn xuất của chúng, + Dầu mỡ, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da, + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn, + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, + Sản xuất các-bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng, + Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác; - Sản xuất mực viết và mực vẽ; - Sản xuất diêm; - Sản xuất hương các loại... - Sản xuất meo nấm.	2029
14.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
15.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
16.	Đúc sắt, thép	2431
17.	Đúc kim loại màu (trừ vàng miếng)	2432
18.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
19.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
20.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
21.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
22.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
23.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

24.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại còn lại.	2599
25.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
26.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
28.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
29.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
30.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
31.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
32.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
33.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
34.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
35.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
36.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
37.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
40.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
41.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
42.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
43.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
44.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
45.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông Sản xuất thiết bị tự động	3290
46.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
51.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
52.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
54.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
55.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
56.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
57.	Lập trình máy vi tính	6201
58.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm. Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử	6209
60.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: - Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp. - Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web.... - Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,...) cho khách hàng. - Dịch vụ chỉnh lý tài liệu, dịch vụ số hóa tài liệu lưu trữ, dịch vụ nghiên cứu, tư vấn, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ lưu trữ	6311
61.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
62.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700(Chính)
64.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
65.	Thu gom rác thải độc hại	3812
66.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
67.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
68.	Tái chế phế liệu	3830
69.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Xây dựng nhà không để ở	4102
72.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
73.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74.	Xây dựng công trình điện	4221

75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
77.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
78.	Xây dựng công trình thủy	4291
79.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
82.	Phá dỡ	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
86.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
87.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
88.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
89.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
90.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
91.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
92.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543
93.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
94.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
95.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
96.	Bán buôn thực phẩm (trừ thực phẩm chức năng)	4632
97.	Bán buôn đồ uống	4633
98.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
99.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
100.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
101.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
102.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
103.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

104.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: thiết bị mạng máy tính, thiết bị âm thanh, ánh sáng, thiết bị tự động điều khiển, thiết bị tiết kiệm năng lượng điện, máy camera quan sát, thiết bị đo lường, thí nghiệm	4659
105.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
106.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
107.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
108.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.	4669
109.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
110.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
111.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
112.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
113.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
114.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
115.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
116.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

117.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
118.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
119.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
120.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
121.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
122.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc, vắc xin và sinh phẩm y tế	4772
123.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng; súng, đạn loại đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí)	4773
124.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
125.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (trừ đấu giá)	4799
126.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
127.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
128.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
129.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
131.	Bốc xếp hàng hóa	5224

132.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (trừ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
133.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
134.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy.	8560
135.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
136.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
137.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
138.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
139.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
140.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
141.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
142.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

143.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực toán học và thống kê; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực vật lý; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực hóa học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học trái đất và môi trường liên quan; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực sinh học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên khác.	7211
144.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật thực phẩm và đồ uống. - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.	7212

145.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học cơ sở; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học lâm sàng; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y tế; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực dược học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong y học; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược khác;	7213
146.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp Chi tiết: - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp; - Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác;	7214
147.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
148.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
149.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ Tư vấn về công nghệ khác (trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
150.	Cho thuê xe có động cơ	7710
151.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
152.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

153.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
154.	Đại lý du lịch	7911
155.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
156.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
157.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
158.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
159.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
160.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
161.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
162.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THÙY DUNG	Số 34 Phạm Bá Trực, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	0311970062 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN VĂN HOAN	P508 – D4 tập thể Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	60,000	0020560000 10	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	60,000		

3	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	P508 – D4 tập thể Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	0011850080 83
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 002056000010

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P508 – D4 tập thể Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P508 – D4 tập thể Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội